TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Ngày 28/8/2023	
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng;

2. Ông Lục Viết Sang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Đình Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Vũ Thị H, sinh năm 1994 - (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: bản Mỏ Trạng, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Chỗ ở: Bản Đồng Gián, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Vũ Văn Q, sinh năm 1987 - (Vắng mặt)

Nơi cư trú: bản Mỏ Trạng, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải chị Vũ Thị H trình bày:

Trước khi kết hôn, chị H và anh Q có tự do tìm hiểu. Ngày 19/9/2012 chị H, anh Q đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại bản Mỏ Trạng, xã T cùng bố mẹ chồng là ông Vũ Văn H1 và bà Ngô Thị P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013, anh Q thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến cuộc sống hôn nhân xảy ra xung đột, mâu thuẫn. Năm 2019, chị H đi lao động tại Đài Loan. Năm 2020, anh Q cũng sang Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên cờ bạc. Năm 2022, vợ chồng quay

về Việt Nam nhưng anh Q vẫn chơi bời, cầm cố tài sản, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, kinh tế gia đình khó khăn. Ngày 24/4/2023,mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng chị H về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu tòa án cho ly hôn anh Q.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 13/6/2017, hiện đang sống với chị H ở xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vũ Văn Q không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2023 chính quyền địa phương xã T cung cấp như sau: Chị H là người xã X, anh Q là người địa phương, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 19/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ anh Q tại bản M, xã T. Giữa anh Q và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q ham chơi, không chăm lo cho gia đình, nợ nần, hay đi lang thang, chỉ về nhà chốc lát rồi lại đi. Anh Q cầm cố tài sản của gia đình để lấy tiền ăn tiêu. Đến tháng 4/2023, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị ly thân. Vợ chồng có 1 con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 13/6/2017. Hiện cháu đang sống cùng mẹ ở xã X. Tại địa phương, anh chị không đứng tên bất động sản gì, không có tài sản gì có giá trị. Anh chị không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí.

***** *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Q.

- *Về con chung:* Giao cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 13/6/2017 cho chị H nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Không giải quyết.

- *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh Q; Anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Q có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2012 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị Q, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị H, anh Q chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q chơi bời, cầm cố tài sản, mâu thuẫn về kinh tế, chị H đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Q không thay đổi. Đến ngày 24/4/2023 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị H về ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh Q là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 13/6/2017, hiện đang sống với mẹ ở xã X, huyện Y. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Theo biên bản xác minh tại UBND xã T, anh Q không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nợ nần, chỉ về nhà chốc lát rồi lại đi. Do vậy, để không ảnh hưởng đến quá trình sinh sống, học tập và phát triển của cháu Đ, cần chấp nhận đề nghị của chị H là giao cháu cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Q.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 13/6/2017 . Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009183 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã T, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.